TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 32/2023/HC-GĐT
Ngày 26/6/2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Biên Thùy;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lệ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Lê Tiến, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa.

Ngày 26/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L; cùng cư trú tại Số A Lô B c/c Đinh Tiên H, Phường 3, Quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Lê Hoàng V - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Bùi Quang S; địa chỉ: Số E Bùi Thị X, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Trị, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2020).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn Linh C, xã Triệu S, huyện Triệu P, tỉnh Quảng Trị.

3.2. Chị Nguyễn Thị Minh N; địa chỉ: 60/4 Hải H, quận Hải C, thành phố Đà N.

3.3. Anh Nguyễn Xuân T2; địa chỉ: 70.5C chung cư Petrolad Quận 2, số 2, đường số 62, phường Bình Trung Đ, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp của anh T2: chị Nguyễn Thị Minh N; địa chỉ: 60/4 Hải H, quận Hải C, thành phố Đà N, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2020).

3.4. Ông Nguyễn M; địa chỉ: số nhà 14, đường Nguyễn T, thị xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị.

3.5. Chị Nguyễn Thị Minh C; địa chỉ: 24 Phạm Cự L, quận Sơn T, thành phố Đà N.

3.6. Ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 3, thị xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguồn gốc Thửa đất số 336, Tờ bản đồ số 04, diện tích 381m^2 tại Khu phố 4, Phường 3, thị xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị là của cụ Trần Thị C1 (mẹ đẻ của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thanh X và bà Nguyễn Thị Minh A) đã được đăng ký tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 của huyện Triệu H, tỉnh Bình Trị T (nay là thị xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị), được thể hiện trên Bản đồ năm 1987 lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước.

Khoảng năm 1994, vợ chồng ông T, bà L chuyển vào miền Nam sinh sống, thi thoảng mới về thờ cúng tổ tiên tại địa chỉ nhà, đất nêu trên. Ngày 19/4/1998, cụ C1 chết không để lại di chúc.

Ngày 08/6/1998, ông T, bà X và bà A lập Giấy ủy quyền thống nhất giao nhà, đất nêu trên cho bà X và bà A quản lý để làm nơi thờ cúng tổ tiên, không được chuyển nhượng, thế chấp, đổi chác, thuê mướn, tặng cho hoặc để ở.

Ngày 29/6/2004, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị xã Quảng T ban hành Quyết định số 80/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt là GCNQSD) đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T2 (con của bà X). Ngày 29/6/2004, UBND thị xã Quảng T cấp GCNQSD đất số Đ 624696 cho hộ gia đình ông T2 với diện tích 111m^2 đất ở, thuộc Thửa đất số 1237, Tờ bản đồ số 4, Phường 1, thị xã Quảng T. Ngày 17/10/2013, UBND thị xã Quảng T cấp GCNQSD đất số BL 712883 cho hộ gia đình ông T2 với diện tích 106m^2 đất, thuộc Thửa đất số 22, Tờ bản đồ số 11, Phường 1, thị xã Quảng T.

Ngày 16/8/2004, UBND thị xã Quảng T ban hành Quyết định số 120/QĐ-UB về việc cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình bà Á, ông Nguyễn Quang T1 (chồng của bà A). Ngày 16/8/2004, UBND thị xã Quảng T cấp GCNQSD đất số Đ 642983 cho hộ gia đình ông T1 với diện tích 204m^2 đất, thuộc Thửa đất số 1236, Tờ bản đồ số 04. Năm 2012, bà A chết. Ngày 17/10/2013, UBND thị xã Quảng T cấp GCNQSD đất số BL 712833 cho ông T1 với diện tích 204m^2, thuộc Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 11. Ngày 16/11/2015, ông T1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Lê Văn Đ, bà

Trương Thị H. Ngày 21/5/2015, UBND thị xã Quảng T cấp GCNQSD đất số BV 828927 cho ông Đ, bà H.

Ngày 04/02/2020 và ngày 28/02/2020, ông T, bà L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 29/6/2004 của UBND thị xã Quảng T, hủy GCNQSD đất số BL 712883 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 17/10/2013 cho hộ gia đình ông T2; hủy một phần Quyết định số 120/QĐ-UB ngày 16/8/2004 của UBND thị xã Quảng T, hủy GCNQSD đất số BL 712833 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 17/10/2013 cho hộ gia đình ông T1, với lý do: việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông T1, bà A và hộ gia đình ông T2 khi chưa được sự đồng ý của ông, bà là không đúng quy định của pháp luật; ông T1 kê khai nguồn gốc diện tích đất được cấp GCNQSD đất là do ông T1 khai hoang năm 1979 là không đúng; đồng thời Thửa đất số 39 mà hộ gia đình ông T1 được cấp GCNQSD đất và Thửa đất số 22 mà hộ gia đình ông T2 được cấp GCNQSD đất không nằm liền kề nhau, Thửa đất số 23 do ông, bà đang sử dụng, nằm giữa 02 thửa đất nêu trên nhưng ông T1, bà A và ông T2 lại ký giáp ranh là chủ sử dụng đất liền kề là không đúng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 712883 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 17/10/2013 cho hộ anh Nguyễn Xuân T2 đối với Thửa đất số 22, Tờ bản đồ số 11 với diện tích 106m^2.

Hủy Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 29/6/2004 của UBND thị xã Quảng T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Nguyễn Xuân T2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 712833 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 17/10/2013 cho hộ ông Nguyễn Quang T1 đối với Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 11 với diện tích 204m^2.

Hủy một phần Quyết định số 120/QĐ-UB ngày 16/8/2004 của UBND thị xã Quảng T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, phần liên quan đến hộ ông Nguyễn Quang T1.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 828927 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 21/12/2015 cho ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H do đã rút tại phiên tòa.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2020, ông T1 kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2021/HC-PT ngày 23/3/2021,

Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 828927 ngày 21/12/2015 do Ủy ban nhân dân thị xã Quảng T cấp cho ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H.

2. Chấp đơn nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang T1. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L về yêu cầu:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng, đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 712833 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 17/10/2013 cho hộ ông Nguyễn Quang T1 đối với Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 11 với diện tích 204m^2.

Hủy một phần Quyết định số 120/QĐ-UB ngày 16/8/2004 của UBND thị xã Quảng T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, phần liên quan đến hộ ông Nguyễn Quang T1.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 14/5/2021, ông T và bà L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2021/HC-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Ngày 10/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 09/QĐ-VKS-HC ngày 09/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2021/HC-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2021/HC-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguồn gốc nhà, đất có diện tích 381m^2 đất, thuộc Thửa đất số 336, Tờ bản đồ số 04, thị trấn Quảng T, huyện Triệu H, tỉnh Bình Trị T (nay là Thửa đất số 22, diện tích 106m^2, Thửa đất số 23, diện tích 114m^2 và Thửa đất số 39, diện tích

204m^2, thuộc Tờ bản đồ số 11, Khu phố 4, Phường 3, thị xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị) là của cụ Trần Thị C1 (mẹ của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Minh X và bà Nguyễn Thị Minh A).

[2] Ngày 19/4/1998, cụ C1 chết không để lại di chúc. Toàn bộ diện tích nhà, đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ C1 chưa chia. Căn cứ Giấy ủy quyền lập ngày 08/6/1998, ông T, bà X và bà A (là hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1) đã bàn bạc, thống nhất giao cho bà X và bà A quản lý nhà đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên, không được chuyển nhượng, thế chấp, đổi chác, thuê mướn, tặng cho hoặc để ở.

[3] Tại hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất năm 2004 và hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSD đất năm 2013 do ông T2 (là con của bà X) kê khai về nguồn gốc diện tích 106m^2 đất để được cấp GCNQSD đất là "Đất thừa kế của bà Nguyễn Thị Minh X, sử dụng năm 1975" là không đúng. Đồng thời, tại hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất năm 2004 và hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSD đất năm 2013 do ông Tr kê khai nguồn gốc diện tích 204m^2 đất là "Đất khai hoang, sử dụng đất ổn định từ năm 1979" cũng là không đúng.

[4] Như vậy, việc UBND thị xã Quảng T cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông T1 và hộ gia đình ông T2 dựa trên sự kê khai không đúng về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất, trong khi đó diện tích đất nêu trên được xác định là di sản thừa kế của cụ C1 chưa chia, là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người được hưởng di sản thừa kế của cụ C1, trong đó có ông T.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 712883 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 17/10/2013 cho hộ gia đình ông T đối với Thửa đất số 22, Tờ bản đồ số 11, diện tích 106m^2; hủy Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 29/6/2004 của UBND thị xã Quảng T về việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông T2; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 712833 do UBND thị xã Quảng T cấp ngày 17/10/2013 cho hộ gia đình ông T1 đối với Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 11, diện tích 204m^2 và hủy một phần Quyết định số 120/QĐ-UB ngày 16/8/2004 của UBND thị xã Quảng T về việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân (phần liên quan đến hộ gia đình ông T1) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ Trần Thị C1 cùng các con khai hoang năm 1975, được cụ C1 kê khai theo Chỉ thị số 229/TTg ngày 10/11/1980 của Chính phủ và có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất Thửa đất số 336, Tờ bản đồ số 04, với diện tích 381m^2. Cụ C1 chết không để lại di chúc. Bà A và chồng là ông T1 (con rể cụ C1) đăng ký kê khai và đã được chính quyền địa phương cấp GCNQSD đất cho 204m^2 đất. Việc UBND thị xã Quảng T cấp GCNQSD đất cho ông T1 bà A là tuân thủ theo Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính, còn việc xác định nguồn gốc để cấp là chưa chính xác. Tuy nhiên, sai sót này

không làm thay đổi bản chất sự việc khi bà A là một trong những người thừa kế của cụ C1, để từ đó chấp nhận đơn kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yếu cầu khởi kiện của ông T, bà L là không đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 1 Điều 271, khoản 2 Điều 272 và Điều 274 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm 09/QĐ-VKS-HC ngày 09/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2021/HC-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2021/HC-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Vụ 10 - VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT III (2b), HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Biên Thùy